

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 59/2019/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 12 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với
tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 1896/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng thụ hưởng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

b) Đối tượng thụ hưởng

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP); đồng thời đảm bảo các nguyên tắc:

- Ưu tiên hỗ trợ các ngành hàng, sản phẩm theo Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; ngành hàng, sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Ưu tiên hỗ trợ tại các địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn của tỉnh;

- Trường hợp cùng một thời gian, có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác) thì một đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn áp dụng một chính sách ưu đãi, hỗ trợ có lợi nhất.

- Ngoài các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, khuyến khích huy động các nguồn vốn hỗ trợ hợp pháp khác để thúc đẩy liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Điều kiện hỗ trợ

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

c) Liên kết đảm bảo ổn định:

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

d) Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết có tổng mức đầu tư từ 2 tỷ đồng trở lên (không bao gồm chi phí thuê đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng).

4. Nội dung hỗ trợ và định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 02 tỷ đồng/dự án.

Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

Các bên tham gia liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng mô hình khuyến nông; đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của các chương trình, dự án về khuyến nông; chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Mức hỗ trợ cụ thể như sau: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống; 30% chi phí mua vật tư thiết yếu (các loại phân bón, thức ăn); 50% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm. Tổng mức hỗ trợ cho các hạng mục nêu trên trong 01 dự án liên kết tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án. Nguồn kinh phí và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Tổng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án. Nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật, cân đối trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kinh phí thực hiện chính sách trong dự toán chi ngân sách hàng năm; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Quang